|  |  |
| --- | --- |
|  **Thuvienhoclieu.Com****ĐỀ 5** | **[ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-luyen-thi/)** **[NĂM 2022](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-luyen-thi/)****[MÔN ĐỊA LÍ](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-luyen-thi/)** |

**Câu 41:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?

**A.** Ở trung tâm bán đảo Đông Dương. **B.** Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.

**C.** Tiếp giáp với Biển Đông. **D.** Trong vùng nhiều thiên tai.

**Câu 42:** Đồng bằng ven biển miền Trung có

**A.** bờ biển sâu, bằng phẳng. **B.** thềm lục địa nông, mở rộng.

**C.** nhiềuvũng, vịnh, đầm phá. **D.** nhiều cửa sông lớn đổ ra biển.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp Lào?

**A.** Điện Biên. **B.** Lào Cai. **C.** Sơn La. **D.** Lai Châu.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào sau đây?

**A.** Đắk Lắk. **B.** Mơ Nông. **C.** Di Linh. **D.** Lâm Viên.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết bôxit tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Tây Nguyên. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9,cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng ĐàNẵng có lượng mưa lớn nhất?

**A.** Tháng XI. **B.** Tháng X. **C.** Tháng XII. **D.** Tháng IX.

**Câu 47:** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Yaly thuộc lưu vực sông nào sau đây?

**A.** Sông Ba. **B.** Sông Mê Kông. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Thu Bồn.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất feralit trên đá badan **không** có ở vùng nào sau đây?

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Tây Nguyên. **C.** Tây Bắc. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia nào **không** thuộc Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Ba Bể. **B.** Tam Đảo. **C.** Ba Vì. **D.** Xuân Thủy.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết những đô thị nào sau đây thuộc loại 2?

**A.** Hà Nội, Nha Trang. **B.** Thái Nguyên, Hạ Long.

**C.** Long Xuyên, Đà Lạt. **D.** Vũng Tàu, Pleiku.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không** thuộc Bắc Trung Bộ?

**A.** Nghi Sơn. **B.** Chân Mây - Lăng Cô. **C.** Vũng Áng. **D.** Chu Lai.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết cây mía **không** phải là cây chuyên môn hóa của vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng Sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng câycông nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

**A.** Nghệ An. **B.** Thanh Hoá. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Trị.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biếtphát biểu nào sau đây đúng khi so sánh quy mô giá trị sản xuất công nghiệp của một số trung tâm?

**A.** Hải Phòng nhỏ hơn Phúc Yên. **B.** Hạ Long nhỏ hơn Nam Định.

**C.** Rạch Giá lớn hơn Cà Mau. **D.** Thủ Dầu Một lớn hơn Nha Trang.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Trà Nóc, Cà Mau. **B.** Phú Mỹ, Thủ Đức.

**C.** Na Dương, Ninh Bình. **D.** Phả Lại, Uông Bí.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ 19 nối Tây Nguyên với cảng biển nào sau đây?

**A.** Đà Nẵng. **B.** Dung Quất. **C.** Quy Nhơn. **D.** Nha Trang.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

**A.** Vĩnh Sơn. **B.** Yaly. **C.** A Vương. **D.** Sông Hinh.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Xa Mát. **B.** Đồng Tháp. **C.** Hoa Lư. **D.** Mộc Bài.

**Câu** **59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Nghệ An. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Quảng Bình. **D.** Quảng Trị.

**Câu 60:** Cho biểu đồ về GDP của một số quốc gia Đông Nam Á, giai đoạn 2010 - 2016



*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.

**C.** Tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.

**D.** Giá trị GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.

**Câu 61:** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015 *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nước** | **Việt Nam** | **Thái Lan** | **Campuchia** |
| Nông - lâm - ngư nghiệp | 17 | 9,1 | 28,3 |
| Công nghiệp - xây dựng | 33,3 | 35,8 | 29,4 |
| Dịch vụ | 39,7 | 55,2 | 42,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Cột. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.

**Câu 62:** Tiềm năng thuỷ điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông

**A.** Đồng Nai. **B.** Hồng. **C.** Thái Bình. **D.** Mã.

**Câu 63:** Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 64:** Loại hình nào sau đây **không** thuộc mạng lưới thông tin liên lạc?

**A.** mạng điện thoại. **B.** mạng phi thoại.

**C.** mạng truyền dẫn. **D.** mạng kĩ thuật số.

**Câu 65:** Thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là

**A.** các nước châu Mĩ và châu Đại dương. **B.** các nước châu Âu.

**C.** khu vực châu Á - Thái Bình Dương. **D.** các nước Đông Âu.

**Câu 66:** Thế mạnh nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi nước ta là

**A.** chăn nuôi gia súc lớn và cây lương thực.

**B.** cây lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ.

**C.** cây lâu năm và chăn nuôi gia cầm.

**D.** cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.

**Câu 67:** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến năng suất lúa ở Đồng bằng sông Hồng cao nhất ở nước ta là

**A.** quan tâm đến chất lượng sản phẩm và thị trường.

**B.** chú ý đến môi trường và bảo vệ tài nguyên đất.

**C.** trình độ thâm canh cao nhất.

**D.** phát triển mạnh cây vụ đông.

**Câu 68:** Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là

**A.** xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.

**B.** phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước.

**C.** hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động.

**D.** đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở đô thị.

**Câu 69:** Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là

**A.** khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.

**B.** giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.

**C.** tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

**D.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

**Câu 70:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển nhanh?

**A.** Thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng.

**B.** Công nghiệp chế biến đáp ứng được nhu cầu.

**C.** Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng.

**D.** Ứng dụng nhiều tiến bộ của khoa học kĩ thuật.

**Câu 71:** Miền núi nước ta dân cư thưa thớt chủ yếu do

**A.** có nhiều dân tộc ít người, sản xuất nhỏ.

**B.** nhiều thiên tai, công nghiệp còn hạn chế.

**C.** địa hình hiểm trở, kinh tế chậm phát triển.

**D.** nhiều đất dốc, giao thông còn khó khăn.

**Câu 72:** Các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ven các đô thị lớn của nước ta là do

**A.** gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại.

**B.** có lực lượng lao động đông đảo và gần nguồn nguyên liệu.

**C.** gần thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu.

**D.** gần các cơ sở chăn nuôi bò sữa quy mô lớn.

**Câu 73:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Việc mở rộng và đa dạng hóa thị trường.

**B.** Nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng mạnh.

**C.** Nước ta trở thành thành viên của WTO.

**D.** Sự phục hồi và phát triển của sản xuất.

**Câu 74:** Biện pháp quan trọng nhất để phòng chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** bảo vệ, phát triển rừng. **B.** xây dựng các hồ thủy lợi.

**C.** xây dựng đê, kè chắn sóng. **D.** di dân đến các vùng khác.

**Câu 75:** Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt.

**B.** đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** khai thác hợp lí và bảo vệ các nguồn lợi.

**D.** phát triển nuôi trồng và đẩy mạnh chế biến.

**Câu 76:** Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu sản phẩm.

**B.** mở rộng diện tích đi đôi với nâng cao nâng suất.

**C.** khuyến khích phát triển mô hình kinh tế trang trại.

**D.** tăng cường lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề.

**Câu 77:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc?

**A**. Độ cao và hướng các dãy núi. **B.** Vị trí địa lí và hướng các dãy núi.

**C.** Vị trí địa lí và độ cao địa hình. **D.** Hướng các dãy núi và biển Đông.

**Câu 78:** Trong thời gian gần đây, những nguyên nhân chủ yếu nào làm cho tình trạng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long diễn ra nghiêm trọng hơn?

**A.** Địa hình thấp, ba mặt giáp biển.

**B.** Mùa khô kéo dài, nền nhiệt cao.

**C.** Ba mặt tiếp giáp biển, mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt.

**D.** Ảnh hưởng của El Nino, xây dựng hồ thuỷ điện ở thượng nguồn.

**Câu 79:** Cho biểu đồ sau:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

**A.** Đồng bằng sông Hồng giảm, các vùng khác tăng.

**B.** Đồng bằng sông Cửu Long giảm, các vùng khác tăng.

**C.** Đồng bằng sông Hồng tăng, Đồng bằng sông Cửu Long giảm.

**D.** Đồng bằng sông Cửu Long tăng, Đồng bằng sông Hồng giảm.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu: DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Thái Bình** | **Phú Yên** | **Kom Tum** | **Đồng Tháp** |
| Diện tích *(km2)* | 1586 | 5023 | 9674 | 3384 |
| Dân số *(nghìn người)* | 1793 | 910 | 535 | 1993 |

 (Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các tỉnh năm 2018?

**A.** Đồng Tháp cao hơn Thái Bình. **B.** Kon Tum thấp hơn Phú Yên.

**C.** Kon Tum cao hơn Đồng Tháp. **D.** Thái Bình thấp hơn Phú Yên.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 41 | A | 51 | D | 61 | D | 71 | C |
| 42 | C | 52 | D | 62 | B | 72 | C |
| 43 | A | 53 | A | 63 | A | 73 | A |
| 44 | D | 54 | D | 64 | D | 74 | A |
| 45 | B | 55 | A | 65 | C | 75 | C |
| 46 | B | 56 | C | 66 | D | 76 | A |
| 47 | B | 57 | B | 67 | C | 77 | B |
| 48 | D | 58 | B | 68 | D | 78 | D |
| 49 | A | 59 | D | 69 | C | 79 | D |
| 50 | B | 60 | C | 70 | A | 80 | B |